

....., ngày tháng năm 20

BẢN ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC TẬP CỦA SINH VIÊN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Cơ sở thực tập

- Tên cơ sở:
- Lĩnh vực hoạt động:
- Phòng ban sinh viên thực tập:
- Nhân sự quản lý trực tiếp sinh viên thực tập:
 - + Họ và tên:
 - + Chức danh:
 - + Số điện thoại:
 - + Email:

2. Thông tin sinh viên thực tập:

- Họ và tên: - Ngày sinh:
- Số căn cước công dân: - Mã sinh viên:
- Lớp: - Ngành:

Khoa Công nghiệp văn hóa và Di sản, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

II. ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC TẬP CỦA SINH VIÊN

1. Cách thức đánh giá:

- Người quản lý sinh viên tại cơ sở thực tập đánh giá theo mức điểm cụ thể ứng với từng nội dung đánh giá để ghi vào bảng điểm ở mục 2.
- Điểm đánh giá cho mỗi nội dung lẻ đến 0.1 điểm (ví dụ: 7.8; 8.4; 7.5;...)

2. Bảng điểm đánh giá:

(Vui lòng tham khảo “Bảng mô tả tiêu chí & cấp độ đánh giá” ở phần PHỤ LỤC trước khi chấm điểm quá trình thực tập của sinh viên)

| TT | Nội dung đánh giá | Trọng số | Thang điểm đánh giá | | | | |
|----------------------|--|-------------|---------------------|------------|-----------|-----------|----------|
| | | | Yếu | Trung bình | Khá | Giỏi | Xuất sắc |
| | | | < 5 | 5 – 6.4 | 6.5 - 7.9 | 8.0 - 8.9 | 9.0 - 10 |
| A | KIẾN THỨC (30%) | | | | | | |
| 1. | Kiến thức của sinh viên về di sản (hoạt động bảo tồn và phát huy di sản, Quản lý di sản, truyền thông di sản, giáo dục di sản, du lịch di sản...) | 30% | | | | | |
| B | KĨ NĂNG & CHẤT LƯỢNG CÔNG VIỆC (40%) | | | | | | |
| 2. | Kĩ năng chuyên môn về di sản (bảo tồn và phát huy di sản, du lịch và giáo dục di sản, truyền thông di sản, xây dựng sản phẩm văn hóa từ di sản....) | 10% | | | | | |
| 3. | Kĩ năng hỗ trợ để giải quyết các công việc liên quan đến di sản (giao tiếp, làm việc nhóm, làm việc với cộng đồng di sản, giải quyết vấn đề...) | 10% | | | | | |
| 4. | Chất lượng thực hiện công việc được giao của sinh viên thực tập. | 20% | | | | | |
| C | Ý THỨC & THÁI ĐỘ LÀM VIỆC (30%) | | | | | | |
| 5. | Ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ quy định của cơ sở thực tập và người hướng dẫn. | 15% | | | | | |
| 6. | Tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong công việc. | 15% | | | | | |
| Tổng trọng số | | 100% | | | | | |

3. Các đánh giá khác

.....
.....
.....
.....
.....

III. Ý KIẾN GÓP Ý CHO NHÀ TRƯỜNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

| |
|--|
| Xác nhận của cơ quan thực tập <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</i> |
|--|

PHỤ LỤC
BẢNG MÔ TẢ TIÊU CHÍ VÀ CẤP ĐỘ ĐÁNH GIÁ

| TT | Nội dung đánh giá | Trọng số | Thang điểm đánh giá | | | | |
|----------|--|----------|--|---|---|--|---|
| | | | Yếu | Trung bình | Khá | Giỏi | Xuất sắc |
| | | | <5 | 5-6.4 | 6.5-7.9 | 8.0-8.9 | 9.0-10 |
| A | KIẾN THỨC (30%) | | | | | | |
| 1 | Kiến thức của sinh viên về di sản (hoạt động bảo tồn và phát huy di sản, Quản lý di sản, truyền thông di sản, giáo dục di sản, du lịch di sản...) | 30% | Sinh viên có kiến thức rất hạn chế về các khái niệm cơ bản của di sản. Không hiểu rõ mối liên hệ giữa việc bảo tồn và phát huy di sản. Thường xuyên nhầm lẫn hoặc không giải thích được các thuật ngữ chuyên ngành. | Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhưng thiếu sự sâu sắc. Có thể giải thích một số khái niệm nhưng không đầy đủ, gặp khó khăn khi áp dụng kiến thức vào thực tế | Sinh viên hiểu và có thể giải thích phần lớn các khái niệm về di sản. Có khả năng vận dụng kiến thức vào tình huống thực tế, nhưng đôi khi còn hạn chế trong việc phân tích sâu các vấn đề phức tạp. | Sinh viên có kiến thức sâu rộng, nắm bắt và vận dụng tốt các khái niệm và lý thuyết trong lĩnh vực di sản. Có khả năng phân tích và đánh giá tình huống phức tạp một cách logic và thuyết phục. | Sinh viên nắm vững toàn diện các khía cạnh của di sản, bảo tồn và phát huy di sản... Không chỉ giải thích mà còn có khả năng phân tích và đưa ra giải pháp sáng tạo cho các vấn đề trong lĩnh vực này. |
| B | KĨ NĂNG & CHẤT LƯỢNG CÔNG VIỆC (40%) | | | | | | |
| 2 | Kĩ năng chuyên môn về di sản (bảo tồn và phát huy di sản, du lịch và giáo dục di sản, truyền thông di sản, xây dựng sản phẩm văn hóa từ di sản....) | 10% | Sinh viên thiếu hiểu biết và kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ cơ bản. Không thể lập kế hoạch chi tiết, bài viết thiếu chất lượng, nội dung không rõ ràng hoặc sai sót nghiêm trọng. Các hoạt động tổ chức sự kiện không đạt yêu cầu, thường xuyên gây ra lỗi và không | Sinh viên có thể thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn nhưng thiếu tính chủ động và sự hoàn thiện. Lập kế hoạch cơ bản nhưng không có tính chi tiết, chỉ đạt mức chấp nhận được. Sinh viên cần sự giúp đỡ thường xuyên và có xu hướng phụ thuộc vào hướng dẫn. | Sinh viên có khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn như lập kế hoạch bảo tồn, phát huy di sản một cách tương đối tốt, nhưng vẫn có thể thiếu tính chi tiết và sáng tạo. Thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo tồn, phát huy di sản nhưng chỉ đối | Sinh viên có kỹ năng chuyên môn vững vàng, có thể lập kế hoạch chi tiết về các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản. Thực hiện các hoạt động này có chất lượng tốt, và thành thạo. Các nhiệm vụ được hoàn thành đúng thời hạn và đạt chất lượng cao. Sinh viên chủ động trong việc đề xuất và thực hiện các phương | Sinh viên xuất sắc trong việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, có khả năng lập kế hoạch chi tiết và linh hoạt, các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản có tính thuyết phục cao và đạt kết quả vượt trội. Sinh viên có khả năng đề xuất các giải pháp sáng tạo, |

| TT | Nội dung đánh giá | Trọng số | Thang điểm đánh giá | | | | |
|----|---|----------|---|---|---|---|--|
| | | | Yếu | Trung bình | Khá | Giỏi | Xuất sắc |
| | | | <5 | 5-6.4 | 6.5-7.9 | 8.0-8.9 | 9.0-10 |
| | | | quản lý được thời gian, tài nguyên hiệu quả. Sinh viên cần sự giám sát chặt chẽ từ người hướng dẫn. | | với các hoạt động ở mức độ đơn giản, đôi khi vẫn gặp khó khăn trong việc điều phối các hoạt động phức tạp hoặc đôi mặt với các vấn đề bất ngờ. | án hiệu quả mà không cần nhiều sự hỗ trợ từ người hướng dẫn. | quản lý và điều phối công việc phức tạp một cách hiệu quả mà không cần sự trợ giúp. |
| 3 | Kỹ năng hỗ trợ để giải quyết các công việc liên quan đến di sản (giao tiếp, làm việc nhóm, làm việc với cộng đồng di sản, giải quyết vấn đề...) | 10% | Sinh viên không có khả năng giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp và cộng đồng. Thường xuyên gặp khó khăn trong việc giải quyết vấn đề, không có khả năng hợp tác trong nhóm và thường xuyên làm việc không đúng hạn. Kỹ năng quản lý thời gian yếu kém, dẫn đến công việc bị trì trệ và thiếu hiệu quả. | Sinh viên có khả năng giao tiếp cơ bản nhưng chưa tự tin và đôi khi không rõ ràng. Khả năng giải quyết vấn đề còn hạn chế, thường bị động trước các vấn đề phát sinh. Làm việc nhóm ở mức trung bình, có thể hợp tác nhưng thiếu sự chủ động. Quản lý thời gian chưa tốt, có thể hoàn thành | Sinh viên giao tiếp tốt, biết cách diễn đạt ý tưởng rõ ràng và hợp tác hiệu quả với đồng nghiệp. Có khả năng giải quyết vấn đề khá tốt nhưng đôi khi cần sự hỗ trợ. Làm việc nhóm hiệu quả, tham gia tích cực và có trách nhiệm với vai trò được giao. Quản lý thời gian tốt, có khả năng hoàn thành các công việc đúng hạn nhưng đôi khi gặp khó khăn với các nhiệm vụ có độ phức tạp cao. | Sinh viên có khả năng giao tiếp hiệu quả, thuyết phục và rõ ràng. Giải quyết vấn đề nhanh nhạy, có thể đưa ra các giải pháp hợp lý mà không cần nhiều sự trợ giúp. Làm việc nhóm tốt, có khả năng lãnh đạo nhóm nhỏ và đóng góp tích cực vào thành công chung của nhóm. Kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả, sinh viên hoàn thành công việc đúng hạn và có thể xử lý được nhiều nhiệm vụ cùng lúc. | Sinh viên xuất sắc trong giao tiếp, có khả năng thuyết trình và thuyết phục tốt, dễ dàng tạo dựng và duy trì mối quan hệ công việc tốt đẹp. Giải quyết vấn đề xuất sắc, chủ động đưa ra các giải pháp sáng tạo và hiệu quả. Làm việc nhóm xuất sắc, có khả năng lãnh đạo và điều phối nhóm làm việc hiệu quả, góp phần lớn vào sự thành công của dự án. Quản lý thời gian hoàn hảo, luôn hoàn thành nhiệm vụ |

| TT | Nội dung đánh giá | Trọng số | Thang điểm đánh giá | | | | |
|----------|--|-------------|--|---|--|---|--|
| | | | Yếu | Trung bình | Khá | Giỏi | Xuất sắc |
| | | | <5 | 5-6.4 | 6.5-7.9 | 8.0-8.9 | 9.0-10 |
| | | | | | | | đúng hạn và sắp xếp công việc một cách hợp lý. |
| 4 | Chất lượng thực hiện công việc được giao của sinh viên thực tập. | 20% | Chất lượng công việc kém, thường không hoàn thành đúng hạn, sai sót nhiều. | Hoàn thành công việc cơ bản nhưng chất lượng chưa cao. Cần cải thiện về tính chính xác và hiệu quả. | Hoàn thành tốt nhiệm vụ nhưng đôi khi còn thiếu tính sáng tạo hoặc cải tiến. | Chất lượng công việc tốt, thường xuyên vượt qua mong đợi, ít sai sót, có tính cải tiến. | Chất lượng công việc xuất sắc, đạt kết quả vượt trội và luôn đưa ra giải pháp sáng tạo, không mắc sai sót. |
| C | Ý THỨC & THÁI ĐỘ LÀM VIỆC (30%) | | | | | | |
| 5 | Ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ quy định của cơ sở thực tập và người hướng dẫn. | 15% | Không tuân thủ quy định, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, gây ảnh hưởng tiêu cực đến công việc. | Ý thức tổ chức cơ bản nhưng đôi khi không tuân thủ quy định, cần nhắc nhở thường xuyên. | Tuân thủ tốt quy định nhưng đôi khi thiếu tính chủ động trong việc thực hiện. | Ý thức kỷ luật cao, tuân thủ quy định tốt, có trách nhiệm trong công việc. | Ý thức kỷ luật xuất sắc, luôn tuân thủ và còn có khả năng truyền đạt, hướng dẫn người khác tuân theo. |
| 6 | Tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong công việc. | 15% | Thiếu chủ động, không có tính sáng tạo và thường tránh né trách nhiệm. | Có trách nhiệm nhưng ít sáng tạo và chủ động, chỉ làm việc khi được yêu cầu. | Chủ động thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa thực sự sáng tạo. Có tinh thần trách nhiệm nhưng chưa mạnh dạn đề xuất giải pháp. | Chủ động, sáng tạo trong công việc, có trách nhiệm cao, thường xuyên đề xuất giải pháp. | Xuất sắc trong việc chủ động, sáng tạo và hoàn toàn chịu trách nhiệm với công việc. Thường xuyên đóng góp ý tưởng cải tiến và nâng cao hiệu quả. |
| | TRỌNG SỐ | 100% | | | | | |